

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển-tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	7
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	8 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96

Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Binh đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25/10/2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/01/2008, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ chín (09) ngày 03/10/2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 (chín) ngày 03/10/2018 là: 124.197.870.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm chín bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: TA9.

Trụ sở chính của Công ty: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Xuân Bằng	Chủ tịch
Ông Đặng Đình Khiêm	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Đức Trúc	Thành viên
Bà Trịnh Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hà	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Diệu Thúy	Trưởng ban
Ông Lâm Văn Công	Thành viên
Bà Mai Tố Loan	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Đức Trúc	Giám đốc
Ông Phạm Văn Lê	Phó Giám đốc
Ông Đặng Đình Khiêm	Phó Giám đốc
Ông Trần Đình Ba Ti	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kháng	Phó Giám đốc
Bà Trịnh Thị Thu Hương	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/5/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Hoàng Đức Trúc

Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Số: 256/2023/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 được lập ngày 26/8/2023, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2023

.197
S TY
4H
TO
IET
A

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.406.816.941.325	1.557.023.023.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	281.889.345.395	768.155.906.401
1. Tiền	111		76.889.345.395	163.155.906.401
2. Các khoản tương đương tiền	112		205.000.000.000	605.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		572.652.174.004	540.734.514.722
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	234.541.572.767	308.102.476.639
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	41.874.708.370	40.060.406.995
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.5	74.477.835.657	52.260.394.527
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	21.000.000.000	21.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	215.380.635.819	133.933.815.170
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(14.622.578.609)	(14.622.578.609)
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	480.779.694.111	209.624.512.295
1. Hàng tồn kho	141		480.779.694.111	209.624.512.295
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		66.495.727.815	33.508.089.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	7.062.855.297	101.979.630
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.432.872.518	33.406.110.299
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		60.692.228.682	42.248.978.250
II. Tài sản cố định	220		51.062.052.664	34.262.260.402
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	47.125.977.364	30.301.185.102
- Nguyên giá	222		133.247.556.183	111.575.438.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.121.578.819)	(81.274.253.807)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	3.936.075.300	3.961.075.300
- Nguyên giá	228		8.455.853.078	8.455.853.078
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.519.777.778)	(4.494.777.778)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.630.176.018	7.986.717.848
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	9.630.176.018	7.986.717.848
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.467.509.170.007	1.599.272.001.597

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		1.319.319.493.345	1.446.008.319.034
I. Nợ ngắn hạn	310		1.319.319.493.345	1.446.008.319.034
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	420.821.000.133	410.682.041.697
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	563.857.185.373	879.773.262.014
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	2.309.228.454	1.165.441.638
4. Phải trả người lao động	314		18.212.239.453	33.758.575.757
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	123.756.510.566	71.699.213.010
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	188.733.384.950	45.575.045.262
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.629.944.416	3.354.739.656
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		148.189.676.662	153.263.682.563
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	148.189.676.662	153.263.682.563
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		124.197.870.000	124.197.870.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		124.197.870.000	124.197.870.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.865.874.484	15.865.874.484
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.125.932.178	13.199.938.079
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		34.963.859	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		8.090.968.319	13.199.938.079
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.467.509.170.007	1.599.272.001.597

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Người lập



Nguyễn Văn Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thơm

Giám đốc



Hoàng Đức Trúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	953.796.919.984	331.758.931.988
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		953.796.919.984	331.758.931.988
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	921.775.215.143	308.119.626.985
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		32.021.704.841	23.639.305.003
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	14.705.570.215	2.973.004.270
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.447.377.689	1.468.208.265
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.447.377.689</i>	<i>1.468.208.265</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	32.172.543.321	19.946.694.163
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		10.107.354.046	5.197.406.845
11. Thu nhập khác	31	6.6	6.356.353	1.434.663
12. Chi phí khác	32	6.6	-	174.944.477
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	6.356.353	(173.509.814)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		10.113.710.399	5.023.897.031
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.022.742.080	1.039.691.944
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		8.090.968.319	3.984.205.087
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	651,46	181,81

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Người lập



Nguyễn Văn Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thơm

Giám đốc



Hoàng Đức Trúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.113.710.399	5.023.897.031
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.872.325.012	6.569.931.935
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.705.570.215)	(2.973.004.270)
- Chi phí lãi vay	06		4.447.377.689	1.468.208.265
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.727.842.885	10.089.032.961
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(57.971.353.009)	(91.981.598.639)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(271.155.181.816)	(363.618.915.233)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(283.258.588.055)	805.950.378.995
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.604.333.837)	(10.516.358.058)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.447.377.689)	(1.468.208.265)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(51.498.382)	(951.371.653)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.724.795.240)	(1.592.418.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(622.485.285.143)	345.910.542.108
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.672.117.274)	(1.459.641.173)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(162.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.732.501.723	2.973.004.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.939.615.551)	(160.486.636.903)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		238.365.465.112	117.184.134.856
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(95.207.125.424)	(192.157.243.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		143.158.339.688	(74.973.108.199)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(486.266.561.006)	110.450.797.006
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	768.155.906.401	502.430.459.352
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	281.889.345.395	612.881.256.358

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Thành

Hoàng Xuân Thơm

Hoàng Đức Trúc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An, tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Bình đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25/10/2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/01/2008, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ chín (09) ngày 03/10/2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 (chín) ngày 03/10/2018 là: 124.197.870.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm chín bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*), tương đương 12.419.787 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
Mã cổ phiếu: TA9.

Trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 2.524 người (số lao động tại ngày 31/12/2022 là 2.752 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng nhà các loại; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, kiểm định thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán lẻ ô tô con; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Vệ sinh chung nhà cửa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ đồ uống; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông(đường bộ); Đại lý du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Giáo dục nghề nghiệp; Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: hoạt động trang trí nội thất); Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú; Dịch vụ tắm hơi, matxa và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao), chi tiết là hoạt động tắm hơi, matxa; Địa điểm sản xuất, khai thác, sửa chữa, cưa xẻ gỗ ngoài địa bàn TP Đà Nẵng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp thoát nước; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình khai khoáng; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Chuẩn bị mặt bằng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thi công xây lắp các công trình.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 33: Tô 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 54: Số 88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 74: Số 96B Trần Phú, phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Xí nghiệp Xây lắp 79: Số 273, ngõ 35 Khương Hạ, Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Quảng Trị: Số 34 Nguyễn Du, phường 5, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Chi nhánh Hà Nội: Số 86A ngách 358/25 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng: Tô 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Dừng hoạt động theo Quyết định số 283/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2021 của HĐQT Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96).
- Chi nhánh Miền Nam: 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Cơ quan Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Cơ quan Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Quyền khai thác mỏ đá: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty chi ra liên quan đến quyền khai thác mỏ đá.
- Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao chi tiết như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền khai thác tại mỏ đá Suối Mơ	07
Phần mềm kế toán	03
Quyền sử dụng 3.775 m ² đất tại Núi Thành, Quảng Nam	08
Quyền sử dụng đất lâu dài tại 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	Không trích khấu hao

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích các quỹ sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

NI
CÔ
T
KIẾ
P
A
/0/

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn xây lắp, hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xây lắp trên địa bàn duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	6.733.775.037	7.341.178.852
Tiền gửi ngân hàng	70.155.570.358	155.814.727.549
Các khoản tương đương tiền	205.000.000.000	605.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)</i>	<i>205.000.000.000</i>	<i>605.000.000.000</i>
Tổng	281.889.345.395	768.155.906.401

(*) Bao gồm khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Ngũ Hành Sơn, thời hạn 01 tháng, lãi suất 4,3%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

(*) Bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Ngũ Hành Sơn, thời hạn 6 tháng, lãi suất 6,5%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	234.541.572.767	308.102.476.639
BQL Dự án Đầu tư xây dựng CNDD & CN tỉnh Kiên Giang	-	55.151.225.539
Ban quản lý các dự án huyện Thổ Chu	46.753.585.370	49.173.911.201
Phải thu các khách hàng khác	187.787.987.397	203.777.339.899
Tổng	234.541.572.767	308.102.476.639
Trong đó: phải thu là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<i>14.120.844.834</i>	<i>24.052.805.419</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	41.874.708.370	40.060.406.995
Công ty CP đầu tư XD Sơn Thành An	6.497.628.977	7.212.502.000
Công ty CP Indochina E&C	-	11.863.666.000
Công ty TNHH ĐT & DV Hiếu Mai	6.030.520.000	2.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	29.346.559.393	18.984.238.995
Tổng	41.874.708.370	40.060.406.995

5.5 Phải thu nội bộ ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Thành An	74.477.835.657	52.260.394.527
Tổng	74.477.835.657	52.260.394.527
Trong đó phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	74.477.835.657	52.260.394.527

5.6 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Trung Anh (*)	12.000.000.000	12.000.000.000
Tổng	21.000.000.000	21.000.000.000
Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	9.000.000.000	9.000.000.000

(*) Cho vay theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng vay vốn số 01/TA96-TA ngày 12/3/2021; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TA96-TA ngày 29/12/2021; Phụ lục số 01/PLHĐ/2023/TA96-TA ngày 01/01/2023; Thời hạn vay đến ngày 31/12/2023. Lãi suất 6%/năm. Số tiền vay theo hợp đồng là 10.000.000.00 VND. Số dư vay tại ngày 30/6/2023 là 5.000.000.000 VND.

Hợp đồng vay vốn số 02/TA9-TA ngày 15/3/2022; Phụ lục số 02/PLHĐ/2023/TA96-TA ngày 01/01/2023 số tiền cho vay 7.000.000.000 VND giữa Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96 và Công ty TNHH TMDV Trung Anh. Thời hạn vay đến ngày 31/12/2023. Lãi suất 6%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.7 Phải thu khác

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Ngắn hạn	215.380.635.819	-	133.933.815.170	-
Ký cược, ký quỹ	359.433.759	-	147.150.800	-
Tạm ứng	205.075.849.118	-	131.194.025.277	-
Phải thu khác	9.945.352.942	-	2.592.639.093	-
Lãi dự thu	-	-	462.890.410	-
Các khoản phải thu khác	9.945.352.942	-	2.129.748.683	-
Tổng	215.380.635.819	-	133.933.815.170	-

5.8 Nợ xấu

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi	21.207.914.914	6.585.336.305	21.207.914.914	6.585.336.305
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Các đối tượng khác	-	9.804.067.716	5.611.008.157	5.792.839.041
Tổng	-	9.804.067.716	5.611.008.157	5.792.839.041

5.9 Hàng tồn kho

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Nguyên liệu, vật liệu	4.511.116.197	-	35.311.275.446	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	476.268.577.914	-	174.313.236.849	-
Tổng	480.779.694.111	-	209.624.512.295	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.10 Chi phí trả trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	7.062.855.297	101.979.630
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.062.855.297	101.979.630
Dài hạn	9.630.176.018	7.986.717.848
Chi phí công cụ dụng cụ, máy thi công	3.709.274.000	5.850.335.403
Chi phí sửa chữa	4.177.265.468	387.593.696
Đồ dùng văn phòng	814.386.763	819.538.962
Chi phí mở đá	929.249.787	929.249.787
Tổng	16.693.031.315	8.088.697.478

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	42.868.588.828	17.336.717.088	49.659.578.993	1.710.554.000	111.575.438.909
Tăng trong kỳ	3.599.454.546	7.135.480.910	10.937.181.818	-	21.672.117.274
Mua trong kỳ	-	7.135.480.910	10.937.181.818	-	18.072.662.728
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.599.454.546	-	-	-	3.599.454.546
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	46.468.043.374	24.472.197.998	60.596.760.811	1.710.554.000	133.247.556.183
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2023	19.304.257.756	13.030.931.465	48.065.754.463	873.310.123	81.274.253.807
Tăng trong kỳ	1.323.319.836	1.336.128.615	2.037.417.565	150.458.996	4.847.325.012
Khấu hao trong kỳ	1.323.319.836	1.336.128.615	2.037.417.565	150.458.996	4.847.325.012
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	20.627.577.592	14.367.060.080	50.103.172.028	1.023.769.119	86.121.578.819
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2023	23.564.331.072	4.305.785.623	1.593.824.530	837.243.877	30.301.185.102
Tại 30/6/2023	25.840.465.782	10.105.137.918	10.493.588.783	686.784.881	47.125.977.364

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 1.038.912.574 VND (tại ngày 01/01/2023 là 1.348.067.204 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 51.883.568.888 VND (tại ngày 01/01/2023 là 47.366.338.463 VND).

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền khai thác mỏ đá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2023	4.000.000.000	4.311.075.300	144.777.778	8.455.853.078
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	4.000.000.000	4.311.075.300	144.777.778	8.455.853.078
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2023	4.000.000.000	350.000.000	144.777.778	4.494.777.778
Tăng trong kỳ	-	25.000.000	-	25.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	25.000.000	-	25.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	4.000.000.000	375.000.000	144.777.778	4.519.777.778
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2023	-	3.961.075.300	-	3.961.075.300
Tại 30/6/2023	-	3.936.075.300	-	3.936.075.300

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm 3.775 m² đất rừng sản xuất tại Hồ Lá, thôn Đông Yên, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, thời gian sử dụng đất đến tháng 11/2060 và 156 m² đất sử dụng lâu dài tại địa chỉ 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 4.144.777.778 VND (tại ngày 01/01/2023 là 4.144.777.778 VND).

5.13 Phải trả người bán

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	420.821.000.133	420.821.000.133	410.682.041.697	410.682.041.697
Công ty TNHH Phương Anh Nha Trang	16.101.217.623	16.101.217.623	46.015.865.738	46.015.865.738
Phải trả người bán khác	404.719.782.510	404.719.782.510	364.666.175.959	364.666.175.959
Tổng	420.821.000.133	420.821.000.133	410.682.041.697	410.682.041.697

Đơn vị tính: VND

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	563.857.185.373	879.773.262.014
BQL DA ĐTXD Các công trình dân dụng và công nghiệp TP HCM	126.827.526.245	75.678.407.018
Ban quản lý DA và TT xây dựng huyện Đại Lộc	59.885.098.000	4.552.695.000
Người mua trả tiền trước khác	377.144.561.128	799.542.159.996
Tổng	563.857.185.373	879.773.262.014

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ	
	01/01/2023	30/6/2023	01/01/2023	30/6/2023
Phải nộp	1.165.441.638	15.776.369.862	14.632.583.046	2.309.228.454
Thuế giá trị gia tăng	881.847.020	9.613.646.474	10.495.493.494	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.498.382	2.022.742.080	51.498.382	2.022.742.080
Thuế thu nhập cá nhân	232.096.236	4.122.711.875	4.068.321.737	286.486.374
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	17.269.433	17.269.433	-

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.16 Phải trả khác

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	123.756.510.566	71.699.213.010
Kinh phí công đoàn	875.469.272	1.362.413.765
Bảo hiểm xã hội	78.916.362	12.533.135
Bảo hiểm y tế	40.789.092	35.103.420
Các khoản phải trả, phải nộp khác	122.759.615.785	70.283.605.729
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>13.228.998.732</i>	<i>64.024.512</i>
<i>Công ty Tín Phát</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
<i>Tổng công ty Thành An</i>	<i>5.469.123.326</i>	<i>9.209.378.928</i>
<i>Tiền bảo lãnh hợp đồng các công trình</i>	<i>93.234.544.496</i>	<i>54.014.128.682</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>9.326.949.231</i>	<i>5.496.073.607</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	1.720.055	5.556.961
Tổng	123.756.510.566	71.699.213.010
<i>Trong đó: phải trả các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>12.183.558.706</i>	<i>9.209.378.928</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Vay	30/6/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	188.733.384.950	188.733.384.950	238.365.465.112	95.207.125.424	45.575.045.262	45.575.045.262
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng (1)	72.957.343.279	72.957.343.279	112.589.423.441	60.447.859.264	20.815.779.102	20.815.779.102
Ngân hàng TMCP Quân Đội Đà Nẵng (2)	115.776.041.671	115.776.041.671	125.776.041.671	34.759.266.160	24.759.266.160	24.759.266.160
Tổng	188.733.384.950	188.733.384.950	238.365.465.112	95.207.125.424	45.575.045.262	45.575.045.262

(1): Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT486-TA96 ngày 18/8/2022 giữa ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn và Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 với hạn mức cho vay tối đa 250.000.000.000 VND nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT486-TA96 ngày 24/5/2021; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCV-SĐBS 01/NHCT486-TA96 ngày 02/6/2022; và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2021-HĐCV-SĐBS 01/NHCT486-TA96 ngày 03/6/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức ký giữa bên cho vay với bên vay theo liệt kê chi tiết tại phụ lục I hợp đồng này. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ kể từ thời điểm giải ngân. Thời gian cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 18/8/2022 đến ngày 18/8/2023. Biện pháp đảm bảo bao gồm các tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

(2): Hợp đồng cấp tín dụng số 129063.23.301.50099.TD ngày 10/5/2023 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 với tổng hạn mức cho vay và bảo lãnh là 2.000.000.000.000 VND. Trong đó hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh thanh toán là 100 tỷ đồng; Hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 1.800 tỷ đồng. Giá trị HMTD đã bao gồm toàn bộ dư nợ gốc theo hợp đồng cấp tín dụng số 8360.22.301.50099.TD ngày 10/3/2022. Thời gian kết thúc hạn mức là 15/3/2024. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay: 9 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Biện pháp đảm bảo là các động sản, quyền tài sản phát sinh trong các hợp đồng thi công xây dựng công trình, kèm theo danh sách cụ thể trong hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	124.197.870.000	8.679.911.552	19.614.419.244	152.492.200.796
Lãi trong năm trước	-	-	20.307.135.972	20.307.135.972
Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	-	3.530.595.464	(3.530.595.464)	-
Trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.040.234.983)	(3.040.234.983)
Trích lập quỹ Khen thưởng ban điều hành	-	-	(294.216.289)	(294.216.289)
Chia cổ tức 2021	-	-	(12.748.911.435)	(12.748.911.435)
Tạm trích lập các quỹ 2022 (*)	-	3.655.367.468	(7.107.658.966)	(3.452.291.498)
Số dư tại 31/12/2022	124.197.870.000	15.865.874.484	13.199.938.079	153.263.682.563
Số dư tại 01/01/2023	124.197.870.000	15.865.874.484	13.199.938.079	153.263.682.563
Lãi trong kỳ này	-	-	8.090.968.319	8.090.968.319
Chia cổ tức năm 2022 (*)	-	-	(13.164.974.220)	(13.164.974.220)
Số dư tại 30/6/2023	124.197.870.000	15.865.874.484	8.125.932.178	148.189.676.662

(*) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD ngày 28/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2023, lợi nhuận sau thuế năm 2022 được phân phối như sau:

- + Chia cổ tức: 65% lợi nhuận sau thuế;
- + Quỹ đầu tư phát triển: 3.655.367 nghìn VND (đã tạm trích trong năm 2022);
- + Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.147.292 nghìn VND (đã tạm trích trong năm 2022);
- + Quỹ thưởng Ban Điều hành: 305.000 nghìn VND (đã tạm trích trong năm 2022).

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng Công ty Thành An	63.343.730.000	63.343.730.000
AMERICA LLC	20.494.000.000	19.873.000.000
Các Cổ đông khác	40.360.140.000	40.981.140.000
Tổng	124.197.870.000	124.197.870.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	124.197.870.000	124.197.870.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	124.197.870.000	124.197.870.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.164.974.220	12.748.911.435

d. Cổ phiếu

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.419.787	12.419.787
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.419.787	12.419.787
Cổ phiếu phổ thông	12.419.787	12.419.787
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.419.787	12.419.787
Cổ phiếu phổ thông	12.419.787	12.419.787
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD ngày 28/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, giá trị cổ tức phân phối là 65% lợi nhuận sau thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	948.044.142.727	309.807.706.883
Doanh thu bán hàng	5.752.777.257	21.951.225.105
Tổng	953.796.919.984	331.758.931.988
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	5.752.777.257	21.951.225.105

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	916.052.805.498	286.792.244.900
Giá vốn bán hàng	5.722.409.645	21.327.382.085
Tổng	921.775.215.143	308.119.626.985

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.705.570.215	2.973.004.270
Tổng	14.705.570.215	2.973.004.270

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền vay	4.447.377.689	1.468.208.265
Tổng	4.447.377.689	1.468.208.265

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.398.006.763	8.084.184.394
Chi phí đồ dùng văn phòng	593.553.218	522.732.606
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.133.116.718	1.652.743.451
Thuế phí và lệ phí	36.184.558	72.988.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.382.855.065	4.260.770.715
Chi phí bằng tiền khác	4.628.826.999	5.353.274.803
Tổng	32.172.543.321	19.946.694.163

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	6.356.353	1.434.663
Tổng	6.356.353	1.434.663
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	174.944.477
Tổng	-	174.944.477
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	6.356.353	(173.509.814)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.113.710.399	5.023.897.031
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	174.562.691
<i>Chi phí loại ra khi tính thuế</i>	-	174.562.691
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	10.113.710.399	5.198.459.722
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	2.022.742.080	1.039.691.944
Truy thu thuế của năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	2.022.742.080	1.039.691.944

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.090.968.319	3.984.205.087
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi; thưởng Ban điều hành (*)</i>	-	(1.726.145.749)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.090.968.319	2.258.059.338
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	12.419.787	12.419.787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	651,46	181,81

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(*): Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi lương thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 được trình bày lại như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 (đã trình bày) VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 (trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.984.205.087	3.984.205.087	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý (VND)	-	(1.726.145.749)	(1.726.145.749)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.984.205.087	2.258.059.338	1.726.145.749
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	12.419.787	12.419.787	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	320,79	181,81	(138,98)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	786.281.631.767	432.010.008.538
Chi phí nhân công	139.786.943.161	99.120.501.561
Chi phí khấu hao	4.872.325.012	6.569.931.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	317.584.524.183	125.336.557.190
Chi phí khác bằng tiền	4.665.011.557	5.353.274.803
	1.253.190.435.680	668.390.274.027

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thành An	Công ty mẹ
Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An	Cùng Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
HDQT, BKS, Ban Giám đốc và thành viên quản lý khác	Thu nhập	1.825.826.542	1.471.494.573

Trong đó, chi tiết như sau:

Thành viên chủ chốt	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Ông Hoàng Đức Trúc	Thành viên HDQT, Giám đốc	180.374.348	185.116.530
Ông Phan Xuân Bằng	Chủ tịch HDQT	175.482.000	178.558.174
Ông Đặng Đình Khiêm	Thành viên HDQT, Phó Giám đốc	171.710.348	170.244.634
Bà Trịnh Thị Thu Hương	Thành viên HDQT, Phó Giám đốc	152.628.442	148.093.200
Ông Trần Đình Ba Ti	Phó Giám đốc	171.710.348	163.535.322
Ông Phạm Văn Lê	Phó Giám đốc	166.033.565	170.663.851
Ông Nguyễn Văn Kháng (bổ nhiệm ngày 5/9/2022)	Phó Giám đốc	367.417.934	-
Bà Trần Thị Diệu Thúy	Trưởng BKS	118.265.106	112.468.958
Ông Lê Ngọc Trường (miễn nhiệm ngày 20/4/2022)	Thành viên BKS	-	94.449.991
Bà Mai Tố Loan	Thành viên BKS	99.993.251	94.952.496
Ông Lâm Văn Công	Thành viên BKS	76.800.000	8.727.273
Ông Hoàng Xuân Thom	Kế toán trưởng	145.411.200	144.684.144
Tổng		1.825.826.542	1.471.494.573

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng		14.120.844.834	24.052.805.419
Tổng công ty Thành An	Công ty mẹ	14.120.844.834	24.052.805.419
Các khoản phải trả khác		12.183.558.706	9.209.378.928
Tổng Công ty Thành An	Công ty Mẹ	12.183.558.706	9.209.378.928
Các khoản phải thu nội bộ		74.477.835.657	52.260.394.527
Tổng Công ty Thành An	Công ty Mẹ	74.477.835.657	52.260.394.527
Phải thu về cho vay		9.000.000.000	9.000.000.000
Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An	Cùng công ty Mẹ	9.000.000.000	9.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Bán hàng		5.752.777.257	21.951.225.105
Tổng Công ty Thành An	Bán hàng	5.752.777.257	21.951.225.105
Các giao dịch khác		11.657.604.187	8.686.751.630
Tổng Công ty Thành An	Cổ tức	6.714.435.380	6.502.469.083
Tổng Công ty Thành An	Dịch vụ khác	4.943.168.807	2.184.282.547

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Văn Thành

Hoàng Xuân Thơm

Hoàng Đức Trúc

TỔNG CÔNG TY THÀNH AN
CÔNG TY CPXL THÀNH AN 96

Số: 409/CV-CTCP

"V/v giải trình lý do chênh lệch LNST trên 10%
BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng
kỳ năm 2022"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Theo thông tư 96/2020/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Công ty niêm yết phải giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Tại báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 có lợi nhuận sau thuế là: 8.090.968.319 đồng, tăng hơn 103% so với báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2022 (3.984.205.087 đồng).

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 giải trình về lợi nhuận sau thuế của báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm trước như sau:

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty đã tổ chức triển khai các công việc theo kế hoạch đề ra, Công ty đã tập trung thi công các công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết. Công ty đã tích cực làm hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán các công trình với chủ đầu tư. Do đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2023 tăng hơn 6 tháng đầu năm 2022 là: 2,87 lần (953,796 tỷ/331,759 tỷ). Đồng thời, doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ đạt: 14,705 tỷ và tăng hơn 4,94 lần so với cùng kỳ năm 2022. Vậy, do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính tăng cao đã làm cho nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2023 tăng hơn so với cùng kỳ năm 2022.

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 giải trình để Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS; T02.



Hoàng Đức Trúc